TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-PT
Ngày: 06/05/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Ông Đinh Như Lâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc " ***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*** ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DSST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện QO, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 03 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị TTT, sinh năm 1979; ĐKHKTT và nơi ở: Ngõ 2, tổ 3, khu CT, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh NQN, sinh năm 1975; và chị Anh H. Đều trú tại: Thôn TK, xã SS, huyện QO, TP Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền của chị Anh H là chị NMH(H1); địa chỉ: Tầng 3, số 87, NTH, phường VM, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội. Đều có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh NQN và chị Anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh N, chị H có quan hệ bạn bè. Ngày 10/11/2014, chị cho anh N và chị H vay số tiền 390.000.000đ, ngày trả 01/2/2015,

các bên không thoả thuận lãi suất và do chị H viết giấy nhận nợ, có chữ ký của bên vay nợ là anh N và chị H. Ngày 29/1/2015, chị tiếp tục cho anh N và chị H vay số tiền 304.000.000đ, hẹn ngày trả 30/01/2015; các bên không thoả thuận lãi và anh N là người viết giấy vay tiền và ký vay.

Đến hẹn trả tiền nhưng anh N và chị H không trả. Nhiều lần chị yêu cầu không có kết quả mà còn bị vợ chồng anh N chửi bới, xúc phạm và đe doạ.

Nay chị yêu cầu anh N và chị H phải trả chị số tiền vay của 2 lần trên là 694.000.000đ.

Bị đơn anh N và chị H trình bày: Chị T tự chủ động làm quen với anh, chị trên mạng xã hội vào khoảng tháng 9/2014. Lúc đó chị T tự xưng tên là PA - Luật sư của Văn phòng Luật sư CP tại địa chỉ: 65B, TĐT, ĐĐ, Hà Nội. Chị T còn tự giới thiệu có ông chú tên là C làm Giám đốc Công an thành phố Hà Nội và có quan hệ rộng rãi.

Chị T và anh N còn có quan hệ tình cảm và nhiều lần anh N còn sống cùng nhà với chị T như vợ chồng. Quan hệ giữa chị T và anh chị rất gần gũi và tin tưởng nhau.

Đầu tháng 1/2015, anh chị có tâm sự với chị T về việc anh chị cho chị NTTL vay tiền nhưng đòi nhiều lần chị L khất lần không trả. Chị T đã hứa sẽ đòi tiền chị L giúp cho anh N. Nhưng để phục vụ cho việc chị T đòi tiền chị L, ngày 12/1/2015 chị T có yêu cầu anh N và chị H viết giấy vay nợ số tiền 390.000.000đ và điền ngày vay 10/11/2014 để có cơ sở bảo với chị L là anh chị vay tiền của chị T và chị T đang yêu cầu trả nợ. Chị H là người viết giấy và cả anh chị cùng ký tên vào giấy vay nợ.

Sau khi đòi được tiền cho chị L vay, anh chị có hỏi về giấy vay tiền trên thì chị T nói đã tự xé bỏ rồi. Chị T còn hứa sẽ xin việc cho anh N, khi đó anh N đang công tác tại Trường trung cấp CS và đang theo học tại Học viện AN.

Ngày 28/1/2015, chị T có yêu cầu anh N thanh toán số tiền 224.000.000đ mà chị T đã lo việc cho anh N + tiền lãi là 80.000.000đ. Chị T còn đe doạ anh N nếu không thanh toán số tiền theo yêu cầu, chị T sẽ làm to chuyện. Sợ ảnh hưởng đến danh dự và uy tín nên anh chị đã đồng ý với yêu cầu của chị T đó là anh N viết Giấy nhận nợ tiền chị T là 304.000.000đ, chị T còn yêu cầu anh N viết thêm câu " tiền tôi ngủ với cô là 5.000.000đ".

Cả 2 Giấy nhận nợ do anh chị viết theo yêu cầu của chị T: đó là vay tiền của chị T, còn anh chị chỉ biết lúc đó chị T có tên là PA.

Anh chị xác định 02 Giấy nhận nợ trên là bị lừa nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị T.

Bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện QO, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TTT.

Buộc anh N và chị H thanh toán trả chị T số tiền nợ gốc là 694.000.000đ (theo giấy nhận nợ ngày 10/11/2014 là 390.000.000đ và Giấy nhận nợ ngày 29/1/2015 là 304.000.000đ).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi Toà án sơ thẩm xét xử xong, anh NQN và chị Anh H cùng kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là anh N và chị H đều xin xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xác định anh N và chị Hcó vay tiền của chị T theo 02 Giấy nhận nợ do anh chị tự viết và ký nhận nợ. Vì vậy, đề nghị HĐXXPT giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí. Nên được chấp nhận xem xét.

II. Xét nội dung kháng cáo của anh NQN và chị Anh H như sau:

[1]. Nguyên đơn chị TTT và bị đơn anh NQN, chị Anh H có quan hệ quen biết.

Mâu thuẫn giữa hai bên liên quan đến việc chị T đòi tiền đã cho vợ chồng anh N vay theo 02 Giấy nhận nợ đó là: Giấy nhận nợ do anh N và chị Hký ngày 10/11/2014 vay của chị T 390.000.000đ + Giấy nhận nợ do anh N ký ngày 29/1/2015 vay của chị T 304.000.000đ.

Chị T khai: đến ngày hẹn trả nợ nhưng vợ chồng anh N không trả tiền cho chị.

Vợ chồng anh N khai: 02 Giấy nhận nợ trên có chữ ký của anh chị nhưng chỉ là giả cách, thực tế không có việc vợ chồng anh vay tiền của chị T.

[2]. Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ là 02 Giấy nhận nợ do chị T xuất trình thì thấy:

[2.1]. Tại Giấy nhận nợ ghi ngày 10/11/2014 có nội dung " anh N, chị Hvay của chị T 390.000.000đ, thời hạn trả nợ 01/2/2015....".

Xét giấy nhận nợ này có ghi ngày vay 10/11/2014, nhưng lại điền ngày 01/11/2014 trên mục " Người cho vay". Tuy nhiên, chị Hcó lời khai công nhận giấy nhận nợ này do chính chị Hviết. Chị Hvà anh N công nhận đúng chữ ký của anh chị. Vì vậy sự nhầm lẫn về ngày trong Giấy nhận nợ không làm thay đổi nội dung của Giấy nhận nợ.

Tại Giấy nhận nợ ghi ngày 29/01/2015 có nội dung " anh N và chị Hvay của chị T số tiền 304.000.000đ, thời hạn trả nợ 30/1/2015". Anh N công nhận giấy nhận nợ này do anh N viết và ký vay nợ.

[2.2]. Vợ chồng anh N khai: 02 Giấy nhận nợ trên có chữ ký của anh chị nhưng chỉ là giả cách, thực tế không có việc vợ chồng anh vay tiền của chị T. Nhưng chị T không công nhận. Anh N và chị H không có tài liệu nào khác để chứng minh việc ký giấy nhận nợ là giả cách nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Toà án sơ thẩm đã xem xét 02 Giấy nhận nợ trên để chấp nhận yêu cầu của chị Thinh để buộc vợ chồng anh N phải trả chị T số tiền : 390.000.000đ + 304.000.000đ = 694.000.000đ là có căn cứ.

Từ những lý lẽ và phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N và chị Hà, giữ nguyên án sơ thẩm. Anh N và chị Hphải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện QO, Thành phố Hà Nội.

Áp dụng các Điều: Điều 471, 474, 476 của BLDS 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị TTT về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản với anh NQN và chị Anh H.

Buộc anh NQN và chị Anh H thanh toán trả chị TTT số tiền nợ gốc là 694.000.000đ (sáu trăm chín mươi bốn triệu đồng). Trong đó theo giấy nhận nợ

ngày 10/11/2014 là 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) , theo Giấy nhận nợ ngày 29/1/2015 là 304.000.000đ (ba trăm linh bốn triệu đồng).

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh NQN và chị Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.760.000đ (ba mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Chị TTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.880.000đ theo biên lai thu số 0006420 ngày 11/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QO, TP. Hà Nội.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh NQN và chị Anh H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được đối trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010632 ngày 25/12/2018; và số 0010627 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QO, Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội.
- Tòa án nhân dân huyện QO.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện QO.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Ngô Thị Thu Thiện